

Bản án số: 334/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/12/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Ma Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh C (tên gọi khác: Phạm Văn C), sinh năm 1984. Địa chỉ: X1, xã KT, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị Bàn Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt lần 02 không có lý do, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Minh C (tên gọi khác: Phạm Văn C) trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T qua tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11/2003 ngày 09/6/2004. Sau

khi đăng ký kết hôn, anh C và chị T sinh sống tại X1, xã KT, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh C cho rằng do tính tình giữa anh C và chị T không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T đi làm xa nhà, hiện nay chị T đang làm công việc gì và sinh sống ở đâu anh C không nắm được. Chị T thì thoảng có về thăm nhà ngoại tại thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhưng không về thăm anh C cùng con tại Ninh Bình và cũng không quan tâm gia đình, con cái. Anh C và chị T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị T không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Quốc D, sinh ngày 22/5/2009. Hiện cháu Quỳnh A đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Duyên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bàn Thị T để giải quyết việc anh Phạm Minh C yêu cầu ly hôn nhưng chị T đều không có mặt.

Qua xác minh tại địa phương, hiện nay chị Bàn Thị T, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin ông Bàn Văn T1 (bố đẻ của chị Bàn Thị T) cung cấp như sau: Chị Bàn Thị T và anh Phạm Minh C qua tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2004. Sau khi kết hôn anh C và chị T sống cùng với gia đình anh C tại X1, xã KT, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu cuộc sống giữa anh C và chị T hòa thuận, hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2016 - 2017 ông T1 được biết giữa chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn bất đồng, chị T và anh C đã sống ly thân, hiện nay anh C đang sống tại xã KT, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, còn chị T hiện nay làm công việc gì, địa chỉ cụ thể ở đâu thì ông T1 không nắm được, chị T có liên hệ và thông tin cho gia đình biết hiện chị T đang sống ở tỉnh Gia Lai, thỉnh thoảng vào các dịp lễ, Tết chị T vẫn về thăm gia đình. Anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh A và cháu Phạm Quốc D. Cháu Quỳnh A hiện nay đã lập gia đình, còn cháu Quốc D đang sinh sống cùng anh C. Gia đình ông Bàn Văn T1 đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho chị Bàn Thị T biết việc anh C yêu cầu ly hôn với chị T tại Tòa án nhưng chị T không trở về địa phương.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 21/10/2024 cháu Phạm Quốc D, sinh ngày 22/5/2009 trình bày sau khi anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Minh C (tên gọi khác Phạm Văn C) vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bị đơn chị Bàn Thị T vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Minh C, cho anh Phạm Minh C được ly hôn chị Bàn Thị T. Về con chung: Cháu Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/4/2005 hiện đã trên 18 tuổi đủ khả năng nhận thức và lao động nên không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Phạm Quốc D, sinh ngày 22/5/2009 cho anh Phạm Minh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không đề nghị xem xét. Về án phí: Anh Phạm Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Bàn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Minh C (tên gọi khác Phạm Văn C) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Bàn Thị T; chị Bàn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Bàn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đi làm xa nhà nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị T đến Tòa án để làm việc nhưng chị T vắng mặt không có lý do, chị T đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Minh C vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bàn Thị T vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11/2003 ngày 09/6/2004. Sau khi đăng ký kết hôn, anh C và chị T sinh sống tại X1, xã KT, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh C cho rằng do tính tình giữa anh C và chị T không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T đi làm xa nhà, thỉnh thoảng về thăm gia đình bên ngoại tại thôn CC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chị T không quan tâm chăm sóc gia đình, các con. Anh C và chị T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị T đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, yêu cầu Tòa án cho anh C được ly hôn với chị T. Chị Bàn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, nên không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị T.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Minh C và chị Bàn Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Quốc D, sinh ngày 22/5/2009. Cháu Quỳnh A hiện nay đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình nên không xem xét, giải quyết. Anh C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Quốc D sau khi ly hôn và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung (nguyện vọng của cháu Duyên mong muốn được ở với anh C). Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Phạm Quốc D cho anh Phạm Minh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Phạm Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Bàn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Minh C (tên gọi khác Phạm Văn C), cho anh Phạm Minh C được ly hôn chị Bàn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc D, sinh ngày 22/5/2009 cho anh Phạm Minh C (tên gọi khác Phạm Văn C) được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Phạm Minh C (tên gọi khác Phạm Văn C) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002024559 ngày 16/10/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000664 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (anh C đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Bàn Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã YN (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh